



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

4403000108
3800311306

ngày 1 tháng 1 năm 2008
ngày 2 tháng 6 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3800311306 ngày 2 tháng 6 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Đinh Văn Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu 5, Phường Thác Mơ,
Thị xã Phước Long,
Tỉnh Bình Phước,
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tỉnh Bình Phước, ngày 12 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00293-20-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.093.453.722.325	984.093.178.832
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	667.909.650	27.844.169.568
Tiền	111		667.909.650	1.844.169.568
Các khoản tương đương tiền	112		-	26.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		832.500.000.000	715.142.638.889
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	832.500.000.000	715.142.638.889
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		259.696.380.704	239.185.703.161
Phải thu của khách hàng	131	6	215.966.729.824	199.260.572.982
Trả trước cho người bán	132		1.983.375.196	174.730.196
Phải thu khác	136	7	41.894.935.399	39.899.059.698
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(148.659.715)	(148.659.715)
Hàng tồn kho	140	8	589.431.971	1.905.015.161
Hàng tồn kho	141		589.431.971	1.905.015.161
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	15.652.053
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	15.652.053

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		414.261.598.859	418.687.469.984
Tài sản cố định	220		36.370.161.899	49.439.218.096
Tài sản cố định hữu hình	221	9	22.529.651.675	35.202.127.804
Nguyên giá	222		1.976.730.293.367	1.973.407.285.883
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.954.200.641.692)	(1.938.205.158.079)
Tài sản cố định vô hình	227	10	13.840.510.224	14.237.090.292
Nguyên giá	228		17.576.030.910	17.417.750.910
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.735.520.686)	(3.180.660.618)
Tài sản dở dang dài hạn	240	11	4.318.505.813	1.724.265.841
Xây dựng cơ bản dở dang	242		4.318.505.813	1.724.265.841
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	370.994.430.000	364.784.430.000
Đầu tư vào công ty con	251		186.134.430.000	186.134.430.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		34.000.000.000	34.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		150.860.000.000	150.860.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(6.210.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		2.578.501.147	2.739.556.047
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.578.501.147	2.739.556.047
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.507.715.321.184	1.402.780.648.816

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

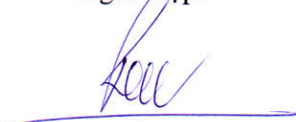
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		116.324.555.507	167.945.668.549
Nợ ngắn hạn	310		109.998.976.507	159.991.741.713
Phải trả người bán	311	12	14.370.971.819	14.728.728.313
Người mua trả tiền trước	312		224.400.000	1.004.411.732
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13	67.349.246.425	105.420.392.697
Phải trả người lao động	314		14.356.854.800	26.485.464.290
Chi phí phải trả	315		-	207.147.368
Phải trả khác	319	14	8.849.623.776	9.570.117.690
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15	4.847.879.687	2.575.479.623
Nợ dài hạn	330		6.325.579.000	7.953.926.836
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.605.579.000	2.745.514.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	16	3.720.000.000	5.208.412.836
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.391.390.765.677	1.234.834.980.267
Vốn chủ sở hữu	410	17	1.391.390.765.677	1.234.834.980.267
Vốn cổ phần	411	18	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	125.346.615.065	36.200.180.122
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		509.589.782.521	442.180.432.054
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		240.077.112.361	46.279.848.558
LNST chưa phân phối năm nay	421b		269.512.670.160	395.900.583.496
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.507.715.321.184	1.402.780.648.816

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Đâu Đình Trung
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	572.802.410.308	779.513.856.419
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	165.584.877.731	235.089.012.950
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		407.217.532.577	544.424.843.469
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	72.417.231.603	62.431.599.122
Chi phí tài chính	22	24	(6.210.000.000)	(37.486.026.697)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	6.833.333
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	23.282.031.113	24.026.082.113
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		462.562.733.067	620.316.387.175
Thu nhập khác	31		69.044.000	16.223.342
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31)	40		69.044.000	16.223.342
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		462.631.777.067	620.332.610.517
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	88.119.106.907	119.432.027.021
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		374.512.670.160	500.900.583.496

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Đâu Đình Trung
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng




Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		462.631.777.067	620.332.610.517
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		18.213.293.366	43.501.498.321
Các khoản dự phòng	03		(6.349.935.000)	(37.657.897.380)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(69.044.000)	(12.987.022)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(72.417.231.603)	(62.431.599.122)
Chi phí lãi vay	06		-	6.833.333
Điều chỉnh khác	07		(1.488.412.836)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		400.520.446.994	563.738.458.647
Biến động các khoản phải thu	09		(20.854.418.834)	(122.368.257.428)
Biến động hàng tồn kho	10		1.476.638.090	7.080.709.724
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(16.564.059.696)	31.338.864.815
Biến động chi phí trả trước	12		15.652.053	21.563.693
			364.594.258.607	479.811.339.451
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(6.833.333)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(123.246.404.021)	(69.374.065.384)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.684.484.686)	(8.765.160.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		235.663.369.900	401.665.279.759
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.738.477.141)	(3.661.353.194)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		69.044.000	12.987.022
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(1.435.500.000.000)	(512.447.287.198)
Tiền rút từ tiền gửi có kỳ hạn	24		1.318.142.638.889	234.125.024.722
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		72.760.972.894	61.542.540.831
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(52.265.821.358)	(220.428.087.817)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	12.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(12.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(210.573.808.460)	(208.507.477.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(210.573.808.460)	(208.507.477.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(27.176.259.918)	(27.270.285.558)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		27.844.169.568	55.114.455.126
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	667.909.650	27.844.169.568

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Đâu Đình Trung
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



 Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

(b) Hoạt động sản xuất kinh doanh

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch; và
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (1/1/2019: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết), được liệt kê dưới đây:

Tên đơn vị	Loại hình	Tỷ lệ vốn sở hữu tại ngày		Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày	
		31/12/2019	1/1/2019	31/12/2019	1/1/2019
Các công ty con					
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Thủy điện	99,78%	99,78%	99,92%	99,92%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Thủy điện	61,17%	61,17%	61,17%	61,17%
Các công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Phong điện	20%	20%	20%	20%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35%	35%	35%	35%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 112 nhân viên (1/1/2019: 118 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng lẻ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 16501/BTC-CĐKT ngày 18 tháng 11 năm 2016, hướng dẫn kế toán do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chúng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày báo cáo được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	667.909.650	1.844.169.568
Các khoản tương đương tiền	-	26.000.000.000
	<hr/>	
	667.909.650	27.844.169.568

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản đầu tư này hưởng lãi suất năm là 6,6% - 7,6% (2018: 6,5% - 7,6%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Công ty con</i>			
• Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	13.720.000	99,92%	137.200.000.000 (*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	4.893.443	61,17%	48.934.430.000 (*)
	186.134.430.000		
<i>Công ty liên kết</i>			
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	3.260.000	20%	32.600.000.000 (*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thác Mơ	140.000	35%	1.400.000.000 (*)
	34.000.000.000		
<i>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</i>			
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3%	149.580.000.000
• Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	150.000	10%	1.280.000.000 (*)
	150.860.000.000		
	370.994.430.000		

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2019					
	Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con							
• Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Lâm Đồng	13.720.000	99,78%	99,92%	137.200.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Gia Lai	4.893.443	61,17%	61,17%	48.934.430.000	-	(*)
Công ty liên kết							
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Bình Thuận	3.260.000	20%	20%	32.600.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thác Mơ	Bình Phước	140.000	35%	35%	1.400.000.000	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	13.500.000	3%	3%	149.580.000.000	(6.210.000.000)	143.370.000.000
• Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	Đồng Nai	150.000	10%	10%	1.280.000.000	-	(*)
					150.860.000.000	(6.210.000.000)	
					370.994.430.000	(6.210.000.000)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.210.000.000	43.702.860.030
Hoàn nhập dự phòng	(6.210.000.000)	(37.492.860.030)
Số dư cuối năm	-	6.210.000.000

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	199.112.930.482	185.392.208.909
Các khách hàng khác	16.853.799.342	13.868.364.073
	215.966.729.824	199.260.572.982

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	199.112.930.482	185.392.208.909
Tập đoàn Điện lực Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	3.104.132.965	2.144.114.886
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	10.098.878.797	10.998.385.297

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu khác

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Phải thu – Ban quản lý Dự án Thủy điện 6 từ việc trả hộ cho dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng Tập đoàn Điện lực Việt Nam	27.267.692.037 868.581.995	27.267.692.037 -
Các bên khác		
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	10.574.412.000	10.918.153.291
Các khoản phải thu khác	3.184.249.367	1.713.214.370
	41.894.935.399	39.899.059.698

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Nguyên vật liệu	152.537.361	168.201.117
Công cụ và dụng cụ	8.889.180	8.702.892
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	428.005.430	1.728.111.152
	589.431.971	1.905.015.161

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.245.319.056.952	604.961.021.851	118.110.480.630	5.016.726.450	1.973.407.285.883
Tăng trong năm	-	378.096.000	1.727.014.546	92.333.000	2.197.443.546
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	1.155.223.012	1.633.290.611	-	-	2.788.513.623
Thanh lý trong năm	-	(728.815.523)	(903.678.000)	(30.456.162)	(1.662.949.685)
Số dư cuối năm	1.246.474.279.964	606.243.592.939	118.933.817.176	5.078.603.288	1.976.730.293.367
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.220.716.159.727	598.856.592.340	113.746.514.449	4.885.891.563	1.938.205.158.079
Khấu hao trong năm	15.813.237.520	1.051.144.709	691.940.933	102.110.136	17.658.433.298
Thanh lý trong năm	-	(728.815.523)	(903.678.000)	(30.456.162)	(1.662.949.685)
Số dư cuối năm	1.236.529.397.247	599.178.921.526	113.534.777.382	4.957.545.537	1.954.200.641.692
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	24.602.897.225	6.104.429.511	4.363.966.181	130.834.887	35.202.127.804
Số dư cuối năm	9.944.882.717	7.064.671.413	5.399.039.794	121.057.751	22.529.651.675

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.778.021 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 1.778.873 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	17.417.750.910	-	17.417.750.910
Tăng trong năm	-	158.280.000	158.280.000
Số dư cuối năm	17.417.750.910	158.280.000	17.576.030.910
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	3.180.660.618	-	3.180.660.618
Khấu hao trong năm	516.316.668	38.543.400	554.860.068
Số dư cuối năm	3.696.977.286	38.543.400	3.735.520.686
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	14.237.090.292	-	14.237.090.292
Số dư cuối năm	13.720.773.624	119.736.600	13.840.510.224

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	1.724.265.841	1.532.873.358
Tăng trong năm	5.382.753.595	191.392.483
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(2.788.513.623)	-
Số dư cuối năm	4.318.505.813	1.724.265.841
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Xây dựng Văn phòng làm việc tại Thị xã Đồng Xoài	1.297.148.276	1.297.148.276
Dự án Điện Mặt Trời Thác Mơ 50MWp	3.021.357.537	427.117.565
	4.318.505.813	1.724.265.841

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả người bán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Công ty TNHH Đồng Tâm Đà Lạt	5.417.870.403	-
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Ban Mai	2.164.800.000	10.076.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	2.164.235.764	-
Các nhà cung cấp khác	4.624.065.652	4.652.728.313
	14.370.971.819	14.728.728.313

13. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019	Số phát sinh	Số đã nộp/ đã cần trừ	31/12/2019
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	5.748.619.706	57.226.081.108	(58.322.338.855)	4.652.361.959
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.246.404.021	88.119.106.907	(123.246.404.021)	45.119.106.907
Thuế thu nhập cá nhân	199.201.352	4.726.054.961	(4.685.785.881)	239.470.432
Thuế tài nguyên	5.183.757.778	57.442.143.899	(58.810.736.334)	3.815.165.343
Thuế bảo vệ môi trường	7.229.949.840	22.400.941.032	(22.948.921.980)	6.681.968.892
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	6.812.460.000	6.812.000.000	(6.812.460.000)	6.812.000.000
Các loại thuế khác	-	78.154.877	(48.981.985)	29.172.892
	105.420.392.697	236.804.482.784	(274.875.629.056)	67.349.246.425

14. Phải trả khác

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Cổ tức phải trả	7.836.067.828	8.409.876.288
Kinh phí công đoàn	47.976.600	93.611.480
Các khoản phải trả khác	965.579.348	1.066.629.922
	8.849.623.776	9.570.117.690

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	2.575.479.623	3.264.976.140
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	7.956.884.750	8.075.664.458
Sử dụng trong năm	(5.684.484.686)	(8.765.160.975)
Số dư cuối năm	<u>4.847.879.687</u>	<u>2.575.479.623</u>

16. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty. Biến động của phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	5.208.412.836	5.208.412.836
Hoàn nhập trong năm (Thuyết minh 25)	(1.488.412.836)	-
Số dư cuối năm	<u>3.720.000.000</u>	<u>5.208.412.836</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	700.000.000.000	56.454.368.091	3.349.890.365	192.205.802.773	952.010.061.229
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 20)	-	-	32.850.289.757	(32.850.289.757)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	-	(8.075.664.458)	(8.075.664.458)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(210.000.000.000)	(210.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	500.900.583.496	500.900.583.496
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	700.000.000.000	56.454.368.091	36.200.180.122	442.180.432.054	1.234.834.980.267
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 20)	-	-	89.146.434.943	(89.146.434.943)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	-	(7.956.884.750)	(7.956.884.750)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(210.000.000.000)	(210.000.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	374.512.670.160	374.512.670.160
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	700.000.000.000	56.454.368.091	125.346.615.065	509.589.782.521	1.391.390.765.677

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

19. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 19 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 là 210 tỷ VND (tương đương 3.000 VND trên một cổ phiếu), trong đó có 105 tỷ VND đã được tạm ứng cho các cổ đông vào cuối năm 2018 (2018: phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 189 tỷ VND, tương đương 2.700 VND trên một cổ phiếu).

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 6 tháng 12 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 cho cổ đông là 105 tỷ (tương đương 1.500 VND trên một cổ phiếu) (2018: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018: 105 tỷ VND, tương đương 1.500 VND trên một cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	36.200.180.122	3.349.890.365
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	89.146.434.943	32.850.289.757
Số dư cuối năm	125.346.615.065	36.200.180.122

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán điện	558.447.757.928	752.215.009.712
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	14.354.652.380	27.298.846.707
	572.802.410.308	779.513.856.419

22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2019 VND	2018 VND
Giá vốn sản xuất điện	154.021.178.205	211.538.275.138
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	11.563.699.526	23.550.737.812
	165.584.877.731	235.089.012.950

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	50.079.624.103	38.684.713.122
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.337.607.500	23.746.886.000
	72.417.231.603	62.431.599.122
	72.417.231.603	62.431.599.122

24. Chi phí tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	6.833.333
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(6.210.000.000)	(37.492.860.030)
	(6.210.000.000)	(37.486.026.697)
	(6.210.000.000)	(37.486.026.697)

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	11.695.707.939	13.177.898.333
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.408.565.690	1.283.548.880
Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Thuyết minh 16)	(1.488.412.836)	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(107.474.850)
Chi phí khác	11.666.170.320	9.672.109.750
	23.282.031.113	24.026.082.113
	23.282.031.113	24.026.082.113

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	5.000.139.849	5.712.280.709
Chi phí nhân công	34.320.451.210	38.501.429.500
Chi phí khấu hao và phân bổ	18.213.293.366	43.501.498.321
Chi phí sửa chữa lớn	4.243.919.142	19.386.648.551
Chi phí khác	127.089.105.277	152.013.237.982

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	88.119.106.907	119.432.027.021

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	462.631.777.067	620.332.610.517
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	92.526.355.413	124.066.522.103
Chi phí không được khấu trừ thuế	60.272.994	114.882.118
Thu nhập không bị tính thuế	(4.467.521.500)	(4.749.377.200)
	88.119.106.907	119.432.027.021

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2018: 20%).

28. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Công ty nếu khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản tương đương tiền, phải thu ngắn hạn của khách hàng, và phải thu ngắn hạn khác.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	667.909.650	1.844.169.568
Các khoản tương đương tiền	(i)	-	26.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	(i)	832.500.000.000	715.142.638.889
Phải thu của khách hàng và phải thu khác – thuần	(ii)	257.713.005.508	239.010.972.965
		1.090.880.915.158	981.997.781.422

(i) *Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn*

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) *Phải thu của khách hàng, phải thu khác*

Phải thu của khách hàng và phải thu khác của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Phải thu của khách hàng chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu từ các bên liên quan trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Lịch sử thu hồi các khoản phải thu từ các bên này nằm trong khung thời gian có thể chấp nhận được. Do những yếu tố này, Ban Giám đốc tin rằng rủi ro tín dụng mà Công ty phải chịu liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng là tương đối nhỏ.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng.

Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng các khoản phải thu khó đòi đã trích lập, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 1 tháng 1 năm 2019.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	148.659.715	256.134.565
Hoàn nhập dự phòng	-	(107.474.850)
	<u>148.659.715</u>	<u>148.659.715</u>

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	14.370.971.819	14.370.971.819	14.370.971.819
Phải trả người lao động	14.356.854.800	14.356.854.800	14.356.854.800
Phải trả khác	8.849.623.776	8.849.623.776	8.849.623.776
	<u>37.577.450.395</u>	<u>37.577.450.395</u>	<u>37.577.450.395</u>
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán	14.728.728.313	14.728.728.313	14.728.728.313
Phải trả người lao động	26.485.464.290	26.485.464.290	26.485.464.290
Chi phí phải trả	207.147.368	207.147.368	207.147.368
Phải trả khác	9.570.117.690	9.570.117.690	9.570.117.690
	<u>50.991.457.661</u>	<u>50.991.457.661</u>	<u>50.991.457.661</u>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
▪ Các khoản tương đương tiền	-	26.000.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn	832.500.000.000	715.142.638.889
	<hr/>	<hr/>
	832.500.000.000	741.142.638.889
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
▪ Tiền gửi ngân hàng	667.909.650	1.844.169.568
	<hr/>	<hr/>

Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 5 triệu VND lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty (1/1/2019: 15 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(e) Giá trị hợp lý****(i) Giá trị ghi sổ**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản tài chính		
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i>		
▪ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – thuần	150.860.000.000	144.650.000.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu</i>		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	667.909.650	27.844.169.568
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	832.500.000.000	715.142.638.889
▪ Phải thu của khách hàng và phải thu khác – thuần	257.713.005.508	239.010.972.965
	1.241.740.915.158	1.126.647.781.422
Nợ phải trả tài chính		
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>		
▪ Phải trả người bán	(14.370.971.819)	(14.728.728.313)
▪ Phải trả người lao động	(14.356.854.800)	(26.485.464.290)
▪ Chi phí phải trả	-	(207.147.368)
▪ Phải trả khác	(8.849.623.776)	(9.570.117.690)
	(37.577.450.395)	(50.991.457.661)

(ii) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày định giá.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	6.420.885.893	5.409.404.586
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên		
Chi phí lãi vay	-	6.833.333
Cổ tức	109.024.500.000	109.024.500.000
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên		
Bán hàng hóa dịch vụ	-	508.312.186
Cổ tức đã nhận	6.604.000.000	13.720.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa		
Bán hàng hóa dịch vụ	120.461.538	308.069.623
Cổ tức đã nhận	12.233.607.500	9.786.886.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình		
Cổ tức đã nhận	3.260.000.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh		
Cổ tức	89.531.220.000	89.531.220.000
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Bán điện	558.405.133.412	752.215.009.712
Ban quản lý dự án thủy điện 6		
Cung cấp dịch vụ	-	10.773.980.315
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		
Bán điện	42.624.516	-
Mua hàng hóa dịch vụ	1.806.277.799	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Trung tâm Công nghệ thông tin – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua hàng hóa dịch vụ	321.139.680	150.252.970
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	604.989.000	614.310.000
Thành viên khác trong Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.074.527.000	1.088.804.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao	1.546.474.000	1.351.148.000

30. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư


	2019	2018
	VND	VND
Chuyển lãi tiền gửi vào gốc tiền gửi có kỳ hạn	-	142.638.889

31. Số liệu so sánh


Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:


Đặng Đình Trung
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

